

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 01/2022/KDTM- ST

Ngày: 04- 5- 2022.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng  
mua bán điện*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG**  
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Chủ tọa phiên toà:* Bà Bùi Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Nguyễn Ngọc Vân

*Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*  
Ông Phạm Văn Công- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 05/2022/TLST- KDTM ngày 16 tháng 02 năm 2022 về “ *Tranh chấp hợp đồng mua bán điện*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST- KDTM ngày 15 tháng 4 năm 2022.

- *Nguyên đơn:* Tổng Công ty Điện lực M; địa chỉ: Số 20, Trần Nguyên Hãn, quận H1, H2; người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Nguyệt A- Chức vụ: Tổng Giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Bá S- Chức vụ: Giám đốc Công ty Điện lực B( theo giấy ủy quyền số 6907/GUQ- EVNNPC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Tổng giám đốc.

*Người đại diện ủy quyền lại:* Ông Trương Văn M- Giám đốc điện lực V- Công ty điện lực Bắc Giang theo Giấy ủy quyền số 48/GUQ- PCBG ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Công ty Điện lực B( có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Hà Nội S; địa chỉ: B1, B2 Khu công nghiệp Đ, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang; người đại diện theo pháp luật: Ông HE - Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc ( đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông Trần Xuân Ph, sinh năm 1983; địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang ( vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này* nguyên đơn là Tổng Công ty Điện lực miền B do ông Trương Văn M- Giám đốc điện lực V trình bày: Ngày 11 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty Điện lực miền B, đại diện là Công ty Điện lực B ký kết Hợp đồng mua bán điện số 20/000035 với Công ty TNHH Hà Nội S, hợp đồng có hiệu lực đến ngày 11/01/2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện phát sinh từ ngày 21/02/2021 đến ngày 30/3/2021 Công ty TNHH Hà Nội S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền điện theo hợp đồng hai bên ký kết với số tiền là 26.177.100 đồng, cụ thể như sau:

- Kỳ 1, tháng 3 năm 2021, ngày 01/3/2021, Điện lực V phát hành hóa đơn và thông báo ngày 03/3/2021 số tiền điện Công ty TNHH Hà Nội S phải nộp là 23.517.800 đồng. Theo Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện số 20/000035 ngày 11 tháng 01 năm 2020, 07 ngày kể từ ngày bên A thông báo lần đầu. Như vậy chậm nhất ngày 10/3/2021 Công ty TNHH Hà Nội S phải thanh toán tiền điện.

- Kỳ 2, tháng 3 năm 2021, ngày 20/3/2021, Điện lực V phát hành hóa đơn và thông báo ngày 22/3/2021 số tiền điện Công ty TNHH Hà Nội S phải nộp là 2.6177.100 đồng. Theo Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện số 20/000035 ngày 11 tháng 01 năm 2020, 07 ngày kể từ ngày bên A thông báo lần đầu. Như vậy, chậm nhất ngày 29/3/2021 Công ty TNHH Hà Nội S phải thanh toán tiền điện.

Điện lực nhiều lần làm việc đòi tiền điện, nhưng không gặp người đại diện theo pháp luật. Đến nay Công ty TNHH Hà Nội S chưa thực hiện nghĩa vụ tiền điện, gây thiệt hại cho Công ty Điện lực miền B.

Nay ông là người đại diện ủy quyền của Tổng công ty Điện lực miền B yêu cầu sau:

1.Buộc Công ty TNHH Hà Nội S thanh toán số tiền điện còn nợ cho Tổng công ty Điện lực miền B ( đại diện là Công ty Điện lực B) tính đến ngày 20/3/2021 là 26.177.100 đồng.

2.Buộc Công ty TNHH Hà Nội S trả phần tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 31/7/2021 là 1.120.787 đồng.

3.Buộc Công ty TNHH Hà Nội S trả tiền phạt vi phạm hợp đồng ( 08%) theo Điều 9 các điều khoản chung, kèm theo Hợp đồng số 20/000035 ký ngày 10/01/2020 là 2.094.787 đồng.

*Ông HE là bị đơn do ông Trần Xuân Ph là người phiên dịch trình bày:* Ông đồng ý ông Trần Xuân Ph là người phiên dịch. Ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hà Nội S. Ngày 10/01/2020 Công ty TNHH Hà Nội S ký Hợp đồng mua bán điện với Công ty điện lực miền B. Quá trình ký kết thực hiện hợp đồng đến ngày 20/02/2021 hai bên không có tranh chấp. Từ ngày 21/02/2021 đến ngày 20/3/2021 Công ty TNHH Hà Nội S không trả tiền điện cho Công ty Điện lực miền B số tiền là 26.177.100 đồng. Nay Công ty điện lực miền B yêu cầu Công ty TNHH Hà Nội S trả số tiền còn nợ là 26.177.100 đồng, số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 31/7/2021 là 1.120.787 đồng; số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 2.094.787 đồng, ông đồng ý. Ngoài ra, ông cũng đồng ý trả số tiền lãi chậm trả và số tiền phạt vi phạm hợp đồng tính đến ngày xét xử. Ông xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xin xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền điện còn nợ; tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán và tiền phạt vi phạm hợp đồng, cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Từ ngày 11/3/2021 đến ngày 04/5/2022, số tiền điện còn nợ là 23.517.800 đồng; lãi suất của số tiền này với lãi suất 10%/1 năm, thời gian từ ngày 11/3/2020 đến ngày 04/5/2022 ( 420 ngày x 6.443 đồng/1 ngày) là 2.706.158 đồng; tổng số 26.223.958 đồng.

- Kỳ 2: Từ ngày 30/3/2021 đến ngày 4/5/2022, số tiền 2.659.300 đồng; lãi suất của số tiền này với lãi suất 10%/1 năm, thời gian từ ngày 30/3/2021 đến ngày 04/5/2022 ( 401 ngày x 729 đồng/1 ngày) là 292.159 đồng; tổng số 2.951.459 đồng.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 08% giá trị phần vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng theo khoản 8.1.2 Điều 8 Hợp đồng bán điện là: 2.094.168 đồng.

Tổng cộng 31.269.585 đồng.

Tổng Công ty điện lực miền B tự nguyện chịu cả 3.000.000 đồng chi phí phiên dịch.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

*Về nội dung tranh chấp:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Hà Nội S trả cho Tổng Công ty Điện lực miền B số tiền 31.269.585 đồng.

*Về án phí:* Buộc Công ty TNHH Hà Nội S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[ 1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Ngày 10/01/2020 Công ty điện lực miền B ký Hợp đồng mua bán điện với Công ty TNHH Hà Nội S. Quá trình ký kết thực hiện hợp đồng đến ngày 20/02/2021 hai bên không có tranh chấp. Từ ngày 11/3/2021 Công ty TNHH Hà Nội S không trả tiền điện cho Công ty Điện lực miền B. Các bên không tự thương lượng hòa giải được, Công ty Điện lực miền B bằng công văn số 2499/PCBG- P9 ngày 18 tháng 6 năm 2021 đề nghị Sở Công thương giải quyết tranh chấp. Sở Công thương ban hành Công văn số 723/SCT- QLNL ngày 05 tháng 7 năm 2021 xác định Sở Công thương đã có Công văn số 663/SCT- QLNL ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc cung cấp tài liệu tổ chức hòa giải, giải quyết tranh chấp nợ tiền điện gửi tới Công ty TNHH Hà Nội S qua đường bưu điện tại địa chỉ: B1, B2 khu Công nghiệp Đ, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, nhưng không có người nhận và được chuyển hoàn. Sở Công thương nhiều lần liên hệ với Công ty qua số điện thoại công ty, số điện thoại người đại diện theo pháp luật nhưng không liên lạc được. Do đó, Sở Công thương không tiến hành hòa giải, thương lượng tranh chấp. Ngày 08 tháng 02 năm 2022 Tổng Công ty Điện lực miền B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện. Đây là tranh chấp dân sự, các bên không tự giải quyết, Sở Công thương không hòa giải, thương lượng được. Công ty TNHH Hà Nội S là bị đơn có trụ sở tại: B1, B2 khu Công nghiệp Đ, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ Điều 11 của Hợp đồng mua bán điện số 20/000035 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về thời hiệu:* Từ ngày 11/3/2021 và từ ngày 30/3/2021 Công ty TNHH Hà Nội S không trả tiền điện cho Công ty Điện lực miền B. Ngày 08 tháng 02 năm 2022 Tổng Công ty Điện lực miền B nộp đơn khởi kiện Công ty TNHH Hà Nội S tại Tòa án nhân dân huyện V. Áp dụng Điều 319 của Luật thương mại đảm bảo thời hiệu khởi kiện.

[1.3] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Ông HE là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hà Nội S vắng mặt tại phiên tòa, ông đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/02/2022 của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn, lời khai của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, hợp đồng mua bán điện, thông báo tiền điện và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định.

[2.1.1] Ngày 11 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty điện lực miền B, đại diện là Giám đốc Điện lực huyện V và Công ty TNHH Hà Nội S ký Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt cho mục đích: sản xuất, gia công. Ngày 15 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty điện lực miền B, đại diện là Giám đốc Điện lực huyện V và Công ty TNHH Hà Nội S ký phụ lục sửa đổi bổ sung về thông tin khách hàng. Ngày 10 tháng 9 năm 2020, Tổng Công ty điện lực miền B, đại diện là Giám đốc Điện lực huyện V và Công ty TNHH Hà Nội S ký phụ lục điều chỉnh, bổ sung lần 2 Hợp đồng mua bán điện số 20/000303 ngày 16 tháng 4 năm 2020. Quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng hai bên không xảy ra tranh chấp. Tổng Công ty điện lực miền B bán điện cho Công ty TNHH Hà Nội S theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Từ ngày 11/3/2021 và ngày 30/3/2021 Công ty TNHH Hà Nội S không trả tiền điện cho Công ty Điện lực miền B, hai bên xảy ra tranh chấp.

[2.1.2] Căn cứ các Thông báo tiền điện, hóa đơn giá trị gia tăng, các Biên bản làm việc và Biên bản xác nhận công nợ tiền điện, Công ty TNHH Hà Nội S kỳ 1 tháng 3 năm 2021 (09 ngày từ ngày 21/2/2021 đến ngày 01/3/2021) với tổng mức điện năng tiêu thụ là 13.100 KW, thành tiền 23.517.800 đồng. Căn cứ Hợp đồng mua bán điện hai bên ký kết, chậm nhất ngày 10/3/2021 Công ty TNHH Hà Nội S phải nộp tiền điện; kỳ 2 tháng 3 năm 2021 (19 ngày từ ngày 02/3/2021 đến 20/3/2021) với tổng mức điện năng tiêu thụ là 1.400 KW, thành tiền 2.659.300 đồng, chậm nhất ngày 29/3/2021, Công ty TNHH Hà Nội S phải nộp tiền điện. Công ty Điện lực miền B đại diện là Điện lực huyện V nhiều lần lập biên bản làm việc nhắc nợ tiền điện và ngừng cấp điện nhưng khách hàng chưa thanh toán. Công ty TNHH Hà Nội S vi phạm nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền điện là 26.177.100 đồng. Căn cứ Hợp đồng mua bán điện số 20/000035 ngày 16 tháng 4 năm 2020, Điều 306 của Luật thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Hà Nội S trả Tổng Công ty điện lực miền B tiền điện còn nợ và tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Số tiền điện còn nợ là 23.517.800 đồng và tiền lãi của số tiền này từ ngày 11/3/2021 đến ngày 04/5/2022 là :  $23.517.800 \text{ đồng} \times 0,833\%/1 \text{ tháng} \text{ (10\%/1 năm)} \times 13 \text{ tháng} = 2.690.404 \text{ đồng}$ , tổng số 26.208.204 đồng.

- Kỳ 2: Số tiền còn nợ là 2.659.300 đồng và tiền lãi của số tiền này từ ngày 30/3/2021 đến ngày 4/5/2022 là:  $2.659.300 \text{ đồng} \times 0,833\%/1 \text{ tháng} (10\%/1 \text{ năm}) \times 13 \text{ tháng} = 290.928 \text{ đồng}$ , tổng số 2.950.228 đồng.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 08% giá trị phần vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng theo khoản 8.1.2 Điều 8 Hợp đồng bán điện là: 2.094.168 đồng.

Tổng cộng 31.252.600 đồng.

[3] *Về số tiền chi phí phiên dịch*: Tổng công ty điện lực miền B tự nguyện chịu cả 3.000.000 đồng chi phí phiên dịch.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306, Điều 317 và Điều 319 Luật thương mại Điều 440, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH Hà Nội S trả Tổng công ty điện lực miền B số tiền 31.252.600 ( *bằng chữ: ba một triệu hai trăm năm hai nghìn sáu trăm đồng*).

2. *Về chi phí phiên dịch*: Tổng công ty điện lực miền B tự nguyện chịu cả 3.000.000 đồng chi phí phiên dịch. Tổng công ty điện lực miền B đã nộp đủ.

3. *Về án phí*:

3.1. Công ty TNHH Hà Nội S phải chịu 3.000.000 đồng án phí tranh chấp thương mại sơ thẩm.

3.2. Tổng Công ty Điện lực miền B không phải chịu án phí tranh chấp thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Tổng công ty điện lực miền Bắc 1.500.000 đồng tiền tạm ứng

án phí tranh chấp thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006235 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

*4. Về nghĩa vụ thi hành án:*

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án xử vắng mặt.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*Nơi gửi:*

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Dương sự;
- Lưu HS- VP.

**Bùi Thị Hương**